TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:138/2024/DS-ST
Ngày: 17 - 9 - 2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.
2. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc Minh C** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2023/TLST – DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thu H** – sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Bà **Phạm Hy L** – sinh năm: 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **Phạm Hy L** là ông **Lê Văn N** là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm: 1991 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Từ năm 2021 đến năm 2022 do quen biết nên chị có cho bà Phạm Hy L vay tiền của chị nhiều lần, tổng cộng là 313.000.000đ, không có làm biên nhận. Có lần thì chị trực tiếp đưa tiền cho bà L vay có lần thì bà L điện thoại cho chị xác nhận rồi bà L nhờ con dâu của bà L là chị Nguyễn Thị Ánh T đến nhà chị

nhận tiền, chị T nói nhận tiền thay cho bà L. Khi chị đưa tiền cho chị T thì chị T có viết số tiền mà chị T nhận trong sổ của chị. Đến tháng 7 năm 2022 chị có yêu cầu bà L trả tiền vay cho chị thì bà L nói với chị để bà L bán đất, bán nhà sẽ trả tiền vay cho chị, sau đó chị thường xuyên qua nhà bà L yêu cầu bà L trả tiền vay cho chị nhưng bà L chỉ hứa mà không trả. Có lần chị đến gặp bà L để yêu cầu bà L trả tiền vay cho chị thì chị có ghi âm giọng nói của bà L, nội dung trong đoạn ghi âm bà L có thống nhất thừa nhận nợ của chị số tiền tổng cộng là 313.000.000đ.

Chị yêu cầu bà Phạm Hy L và chị Nguyễn Thị Ánh T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền vốn vay là 313.000.000đ và tiền lãi là 1%/tháng tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày 01/7/2024 là 24 tháng × 01%/tháng thành tiền là 75.120.000đ. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 388.120.000đ. Tại phiên tòa hôm nay chị không yêu cầu chị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền trên, chị chỉ yêu cầu bà L trả.

*** Tại bản khai ý kiến ngày 05/8/2024, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay bị đơn bà Phạm Hy L trình bày:** Chị H có đến nhà bà 0 - 03 lần để đòi tiền bà, bà nói đợi con dâu bà là chị T về giải quyết bản thân bà không biết, do hiện nay con dâu bà là chị T đi đâu bà không biết. Giọng nói trong đoạn ghi âm do chị H cung cấp không phải của bà, bà không có yêu cầu giám định giọng nói của bà do bà không có vay tiền của chị H.

Nay chị H yêu cầu bà có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền vay vốn là 313.000.000đ và tiền lãi là 1%/tháng tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày 01/7/2024 tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 388.120.000đ thì bà không đồng ý do bà không có vay tiền của chị H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử sơ thẩm. Xét việc vắng mặt của chị T không gây trở ngại cho việc xét xử nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Hy L là ông Lê Văn N có ý kiến: Nguyên đơn chị H yêu cầu bà L trả tiền vốn vay 313.000.000đ và tiền lãi 75.120.000đ, tổng cộng 388.120.000đ. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H là không có cơ sở do giữa chị H bà bà L không có ký kết hợp đồng vay tiền nào, chị H trình bày khi bà L vay tiền của chị H thì bà L điện thoại cho chị H rồi kêu chị T qua nhận tiền là không đúng sự thật do bà L không có kêu chị T nhận tiền vay của chị H. Chị H cũng không cung cấp được chứng cứ là bà L có vay tiền của chị H. Nhà bà L và nhà chị H rất gần nhau số tiền 313.000.000đ là số tiền rất lớn, giả sử chị H có cho bà L vay tiền thì chị H sẽ đưa tiền cho bà L tận tay, chị H trình bày chị T nhận tiền vay của chị H rồi về đưa lại cho bà L nhưng chị H không cung cấp được chứng cứ. Chị H không có chứng cứ thể hiện bà L vay tiền của chị H và không có chứng cứ thể hiện chị T nhận tiền vay thay cho bà L rồi đưa lại cho bà L. Đoạn ghi âm do chị H cung cấp là không có sơ sở do bà L không thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của bà L, đoạn ghi âm không rõ ràng nội dung và không xác định được nội dung

gì, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 94 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463,465,468 Bộ luật Dân sự không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử tuân thủ theo Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

Buộc bà Phạm Hy L phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền vốn vay là 313.000.000đ (Ba trăm mười ba triệu đồng) và tiền lãi là 62.574.960đ (Sáu mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng). Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 375.574.960đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Ánh T cùng có nghĩa vụ liên đới cùng bà Phạm Hy L trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 313.000.000đ (Ba trăm mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải Bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Hy L được miễn án phí do bà Phạm Hy L là người cao tuổi.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 627.000đ (Sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.155.000đ (Chín triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số $N^0$0008614 ngày 14/12/2023. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 8.528.000đ (Tám triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị H và bị đơn bà L, bà L có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị T vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T cũng không đến Tòa án. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị H trình bày từ năm 2021 đến năm 2022 chị H có cho bà L vay tiền của chị H nhiều lần tổng cộng là 313.000.000đ, không có làm biên nhận. Có lần thì chị H đưa tiền vay cho bà L nhận có lần thì bà L điện thoại cho chị H xác nhận vay tiền rồi bà L nhờ con dâu bà L là chị T đến nhà chị H nhận tiền vay đồng thời chị T có ghi số tiền vay mà chị T nhận vào sổ của chị H, chị T nói với chị H là chị T nhận tiền vay thay cho bà L và có đoạn ghi âm giọng nói của bà L, trong đoạn ghi âm bà L thừa nhận thiếu chị H số tiền vay là 313.000.000đ. Nay chị H yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền vốn vay là 313.000.000đ và tiền lãi là 75.120.000đ. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 388.120.000đ thì bà L không đồng ý.

Xét việc chị H cho bà L vay tiền thì không có làm biên nhận nhưng chị H có cung cấp cho Tòa án một giấy viết tay thể hiện chị H có cho bà L vay tiền nhiều lần, trong giấy viết tay thể hiện "Dì L mượn H" và "T mượn H" mượn nhiều lần sau đó đã trả rồi mượn lại, Tòa án có triệu tập chị T nhưng chị T không đến Tòa án tham gia tố tụng và chị H có cung cấp cho Tòa án một đoạn ghi âm giọng nói của bà L, nội dung trong đoạn ghi âm bà L thừa nhận có thiếu tiền vay của chị H là 313.000.000đ. Tại quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ ngày 08/5/2024 Tòa án yêu cầu bà L cung cấp mẫu giọng nói của bà L và nộp tạm ứng chi phí giám định để Tòa án giám định giọng nói của bà L nhưng bà L không cung cấp chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay chị H yêu cầu giám định giọng nói của bà L nhưng bà L từ chối cung cấp giọng nói để giám định vì cho rằng bà không có vay tiền của chị H nhưng tại biên bản hòa giải ngày 5/8/2024 thì bà L trình bày là chị H có đến nhà bà để đòi tiền bà L, mặc dù chị H cho bà L vay tiền không có biên nhận nhưng chị H cung cấp đoạn ghi âm và khẳng định rằng giọng nói trong đoạn ghi âm là của bà L nhưng bà L không đồng ý giám định nên xét yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Buộc bà L có nghĩa vụ trả lại cho chị H số tiền vốn vay là 313.000.000đ.

Do chị H không có thỏa thuận tiền lãi với bà L nên Hội đồng xét xử căn cứ

vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất là 0.833%/tháng nên số tiền lãi được tính như sau: 313.000.000đ x 0.833% x 24 tháng = 62.574.960đ. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 375.574.960đ.

Đình chỉ đối với yêu cầu của chị H về việc yêu cầu chị T cùng có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trả cho chị H số tiền 313.000.000đ.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Hy L là ông Lê Văn N là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L được miễn án phí do bà L là người cao tuổi. Buộc chị H phải nộp 627.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

Buộc bà Phạm Hy L phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền vốn vay là 313.000.000đ (Ba trăm mười ba triệu đồng) và tiền lãi là 62.574.960đ (Sáu mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng). Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 375.574.960đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Ánh T cùng có nghĩa vụ liên đới cùng bà Phạm Hy L trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 313.000.000đ (Ba trăm mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải Bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Hy L được miễn án phí do bà Phạm Hy L là người cao tuổi.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 627.000đ (Sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.155.000đ (Chín triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số $N^0$0008614 ngày 14/12/2023. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 8.528.000đ (Tám triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- CCTHADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh